

Số: /TB-UBND

Phấn Mễ, ngày tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách xã Quý III năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về Quản lý ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Phú Lương về việc giao Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2023 huyện Phú Lương ;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Phấn Mễ khoá XX kỳ họp thứ 5 về việc thông qua Dự toán thu - chi ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Phấn Mễ về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

UBND xã Phấn Mễ thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách xã Quý III năm 2023. như sau:

1. Hồ sơ niêm yết công khai:

- Thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách quý III năm 2023:
- Biểu 113 - Cân đối ngân sách xã quý III năm 2023.
- Biểu 114 - Ước thực hiện thu ngân sách xã quý III năm 2023
- Biểu 115 - Ước thực hiện chi ngân sách xã quý III năm 2023

2. Hình thức, thời gian công khai:

- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Thông báo;
- Thông báo trên hệ thống truyền thanh.
- Công khai trên trang thông tin điện tử của xã.

Trên đây là Thông báo của UBND xã Phấn Mễ về việc công bố công khai Biểu số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách quý III năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ, các tổ chức CT - XH
- Lưu VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Minh Phúc

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý III năm 2023

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của UBND xã Phấn Mỹ)

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách quý III năm 2023

- Thu ngân sách trên địa bàn: 274.234.069đ đạt 88% kế hoạch quý, đạt 32% kế hoạch năm, cụ thể:

+ Phí, lệ phí	:	12.943.000đ.
+ Thu khác	:	51.000.000đ.
+ Thuế GTGT	:	36.393.032đ.
+ Thuế TNSN từ SXKD	:	25.921.968đ.
+ Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS:		116.658.862đ.
+ Thuế PNN	:	3.085.600đ.
+ Lệ phí trước bạ	:	28.231.607đ.

- Thu điều tiết ngân sách xã: 185.420.520đ đạt 85% kế hoạch quý, đạt 21% kế hoạch năm, cụ thể:

+ Phí, lệ phí	:	12.943.000đ.
+ Thu khác	:	51.000.000đ.
+ Thuế GTGT	:	34.937.311đ.
+ Thuế TNSN từ SXKD	:	12.442.546đ.
+ Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS:		55.996.258đ.
+ Thuế PNN	:	3.085.000đ.
+ Lệ phí trước bạ	:	14.115.805đ.
+ Thuế tài nguyên	:	900.000đ.

- Tổng thu ngân sách xã: 2.220.020.520đ đạt 145% kế hoạch quý, đạt 36% kế hoạch năm

- Thu điều tiết:	:	185.420.520đ.
- Thu bổ sung NS từ cấp trên	:	2.036.600.000đ.
Trong đó: + Bổ sung cân đối NS	:	1.696.000.000đ.
+ Bổ sung có mục tiêu	:	340.600.000đ.

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách quý III năm 2023:

Tổng số chi: 1.850.975.947đ đạt 108% kế hoạch quý, đạt 27% kế hoạch năm, trong đó:

- Chi thường xuyên: 1.850.975.947 đạt 110% kế hoạch quý, đạt 27% kế hoạch năm.

3. Đánh giá tình hình thực hiện:

- Trên cơ sở dự toán được giao, UBND tích cực chỉ đạo các bộ phận chuyên môn được giao kế hoạch thu, phối hợp với cán bộ thuế phụ trách địa bàn thực hiện

thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước để cùng với nguồn ngân sách được cấp bổ sung từ cấp trên thực hiện cân đối, sắp xếp các nhiệm vụ chi theo dự toán. Tuy nhiên, do nhiều nhân khách quan khác nhau đối với công tác thực hiện thu ngân sách do đó ảnh hưởng lớn đến tiến độ thu, khó khăn đối với hoàn thành kế hoạch thu theo dự toán.

- Các nhiệm vụ chi đã được kiểm soát, điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao, được theo dõi và kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước đảm bảo các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành, cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

- Trong quý 3 không phát sinh các nhiệm vụ về đầu tư XD CB, UBND xã tập trung đối với nhiệm vụ thiết lập hồ sơ, dự toán để trình phòng chuyên môn cấp trên thẩm định đối với các công trình đường bê tông sử dụng vốn xi măng, nhân dân đối ứng, công trình khởi công mới trong năm 2023.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	6.867.000.000	2.222.020.520	32
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	245.000.000	63.943.000	26
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	629.000.000	121.477.520	19
3	Thu bổ sung	5.993.000.000	2.036.600.000	34
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.993.000.000	1.696.000.000	28
	- Bổ sung có mục tiêu		340.600.000	
4	Thu chuyên nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	6.867.000.000	1.850.975.947	27
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	6.732.000.000	1.850.975.947	28
3	Dự phòng	135.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	7.241.000.000	6.867.000.000	2.310.534.069	2.222.020.520	32	32
I	Các khoản thu 100%	245.000.000	245.000.000	63.943.000	63.943.000	26	26
1	Phí, lệ phí	65.000.000	65.000.000	12.943.000	12.943.000	20	20
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	180.000.000	180.000.000	51.000.000	51.000.000	28	28
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.003.000.000	629.000.000	209.991.069	121.477.520	21	19
1	Các khoản thu phân chia	168.000.000	106.500.000	31.017.207	17.201.405	18	16
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	5.000.000	3.085.600	3.085.600	62	62
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	40.000.000	40.000.000				
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	123.000.000	61.500.000	27.931.607	14.115.805	23	23

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	835.000.000	522.500.000	178.973.862	104.276.115	21	20
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên				900.000		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	210.000.000	210.000.000	36.393.032	34.937.311	17	17
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	625.000.000	312.500.000	142.580.830	68.438.804	23	22
2.6.1	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công						
2.6.2	Thuế thu nhập cá nhân từ SX chuyển nhượng đất	500.000.000	250.000.000	116.658.862	55.996.258	23	22
2.6.3	Thuế thu nhập cá nhân từ SX KD	125.000.000	62.500.000	25.921.968	12.442.546	21	20
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.993.000.000	5.993.000.000	2.036.600.000	2.036.600.000	34	34
1	Thu bổ sung cân đối	5.993.000.000	5.993.000.000	1.696.000.000	1.696.000.000	28	28
2	Thu bổ sung có mục tiêu			340.600.000	340.600.000		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	6.867.000.000		6.867.000.000	1.850.975.947		1.850.975.947	27		27
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.127.115.000		1.127.115.000	296.522.889		296.522.889	26		26
1.1	Chi dân quân tự vệ	541.082.000		541.082.000	110.583.489		110.583.489	20		20
1.2	Chi trật tự an toàn xã hội	586.033.000		586.033.000	185.939.400		185.939.400	32		32
2	Chi giáo dục									
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế									
5	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	40.600.000		40.600.000	116		116
6	Chi phát thanh, truyền thanh									
7	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	4.500.000		4.500.000	18		18
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000						
9.1	Giao thông									
9.2	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
9.3	Thị chính									
9.4	Thương mại, du lịch									
9.5	Các hoạt động kinh tế khác	35.000.000		35.000.000						
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.176.947.000		5.176.947.000	1.431.346.058		1.431.346.058	28		28
10.1	Hội đồng nhân dân	433.147.000		433.147.000	129.184.790		129.184.790	30		30

